TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/9/2017.
V/v: *"Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Phi.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa*:** Ông Đinh Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017, về việc: "Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2017/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã G, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã G, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Quốc H, sinh năm 1974; Vắng mặt.

- Bà Trương Thị B, sinh năm 1980; Vắng mặt.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 7, xã G, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Ngân hàng Nông nghiệp-PTNT chi nhánh Tánh Linh.

Do ông Vũ Quốc H, sinh năm 1990 - Cán bộ phòng tín dụng đại diện. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - bà Lê Thị M yêu cầu:

Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Thanh L chung sống với nhau năm 1997, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã G. Trong quá trình chung sống, bà M và ông L có tạo dựng được một số tài sản là 3.790m^2 đất tại thửa số 47, diện tích 4.989m^2 tại thửa số 39, cùng tờ bản đồ số 75; trên 02 thửa đất có trồng tổng cộng 571 cây cao su từ 5 – 8 năm tuổi tại khu vực Biển Lạc, xã G do vợ chồng tự khai phá và diện tích 513,2m^2 đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 173 xã G; có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phạm Quốc H, bà Trương Thị B vào năm 2013 với giá 100.000.000 đồng nhưng chỉ giao trước 90.000.000 đồng và hai bên mới viết giấy tay với nhau chứ chưa làm các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà M với ông L đã được Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh giải quyết ly hôn vào năm 2014 nhưng không yêu cầu phân chia đối với tài sản chung này. Sau khi giải quyết ly hôn, bà M và ông L không tự thỏa thuận với nhau được về tài sản chung nên cũng vào năm 2014, bà M khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh yêu cầu phân chia tài sản chung là những thửa đất như đã nêu ở trên. Vụ án theo đơn khởi kiện của bà M đã được Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh thụ lý số 209/2014/TLST-HNGĐ, ngày 29/10/2014. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết thì bà M đã xin rút yêu cầu phân chia đối với thửa đất đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H, bà B. Do đó tại Bản án sơ thẩm số 33/2016/HNGĐ-ST, ngày 19/8/2016 Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã quyết định đình chỉ phần yêu cầu này của bà M. Sau đó giữa bà M, ông L và vợ chồng ông H, bà B vẫn không tự giải quyết được về thửa đất này nên bà M tiếp tục khởi kiện để yêu cầu phân chia. Tại phiên Tòa hôm nay, bà M yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất và đồng ý hoàn trả lại giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất cho ông L. Bên cạnh đó bà M với ông L có nghĩa vụ mỗi người phải trả chi vợ chồng ông H, bà B số tiền 5.000.000 đồng còn thiếu theo thỏa thuận chuyển nhượng đã lập năm 2013. Ngoài ra, bà M còn yêu cầu ông L phải hoàn trả lại ½ chi phí định giá tài sản bà M đã bỏ ra tương ứng với số tiền 500.000 đồng.

Bị đơn - ông Nguyễn Thanh L trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Ông L công nhận vào năm 2013, khi ông L và bà M đang còn là vợ chồng thì ông L và bà M có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H, bà B diện tích đất có chiều ngang khoảng 7 mét theo mặt tiền đường liên xã G - Gia Huynh, chiều dài hết lô đất với giá 100.000.000 đồng. Hai bên mới chỉ viết giấy tay và giao trước số tiền 90.000.000 đồng, còn lại số tiền 10.000.000 đồng khi nào làm thủ tục chuyển quyền sang tên thì mới giao đủ. Ông L công nhận diện tích đất nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H, bà B là tài sản chung của ông L, bà M trong thời kỳ hôn nhân nhưng không đồng ý phân chia mà có nguyện vọng được để lại cho con chung. Riêng về số tiền 10.000.000 đồng còn thiếu vợ chồng ông H thì khi nào vợ chồng ông H làm thủ tục chuyển quyền sang tên cho ông L, ông L mới giao đủ số tiền này.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Quốc H và bà Trương Thị B đều trình bày: Năm 2013, vợ chồng ông H bà B chuyển nhượng cho vợ chồng ông L, bà M diện tích đất khoảng 513m^2 tại thôn 7, xã G với giá 100.000.000 đồng. Nhưng hai bên chỉ

viết giấy tay và giao nhận trước số tiền 90.000.000 đồng chứ chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang được vợ chồng ông H thế chấp vay vốn ngân hàng. Hiện nay vợ chồng ông H, bà B vẫn đồng ý tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông L, bà M chứ không có tranh chấp gì. Vợ chồng ông H, bà B yêu cầu ông L, bà M mỗi người phải trả cho vợ chồng ông H số tiền 5.000.000 đồng còn thiếu khi làm thủ tục đối với diện tích đất đã thỏa thuận chuyển nhượng.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng NNPTNT do ông Vũ Quốc H đại diện trình bày: Tháng 5/2017, vợ chồng ông Phạm Quốc H thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay của ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay đến tháng 5/2018. Qua kiểm tra, đối chiếu các thông tin về tài sản thế chấp thì thấy rằng diện tích đất mà vợ chồng ông H đã chuyển nhượng cho bà M, ông L không thuộc diện tích đất đã thế chấp vay vốn tại ngân hàng. Do đó, trong vụ án này ngân hàng không có liên quan gì và cũng không có yêu cầu, tranh chấp gì với các bên đương sự. Ngân hàng đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Sau khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Đề nghị tạm giao cho chị M được quyền sử dụng diện tích 513,2m^2 tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 173 đo đạc bản đồ địa chính xã G. Chị M phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị chênh lệch tài sản chung cho anh L là 65.340.000 đồng. Anh L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị M 500.000 đồng chi phí định giá tài sản. Đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của anh H, chị B và buộc chị M, anh L phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, sau khi nghe đương sự trình bày, nghe tranh luận, nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Quốc H, bà Trương Thị B và Đại diện ngân hàng NNPTNT mặc dù đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Lê Thị M xác định trong thời gian bà M và ông L là vợ chồng có cùng nhau tạo dựng được một số tài sản chung là quyền sử dụng đất; trong đó có thửa đất nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H. Do sau khi ly hôn, bà M và ông L không tự thỏa thuận được về việc phân chia tài sản chung này nên bà M yêu cầu Tòa án phân chia. Bị đơn - ông Nguyễn Thanh L không đồng ý phân chia theo yêu cầu của bà M. Do đó HĐXX thấy có đủ cơ sở để xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là *"Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân"* là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 95 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

[3]-Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Thị M:

Tại phiên Tòa hôm nay, bà M vẫn giữ yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là diện tích đất khoảng 513,2m^2 tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 173 mảnh trích lục bản đồ địa chính xã G; có nguồn gốc do bà M và ông L nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H, bà B vào năm 2013. Tuy nhiên, ông L không đồng ý phân chia theo yêu cầu của bà M mà yêu cầu được để lại quyền sử dụng thửa đất này cho con chung.

Xét các tài liệu do các đương sự cung cấp cũng như do Tòa án thu thập được cũng như lời khai của các đương sự tại phiên Tòa hôm nay; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Thanh L chung sống với nhau từ năm 1997, đến năm 1999 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã G. Trong thời gian chung sống với nhau thì bà M và ông L có tạo dựng được một số tài sản chung là nhà cửa, đất đai...Trong đó có thửa đất số 48, tờ bản đồ số 173 đo đạc bản đồ địa chính xã G được bà M và ông L nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H, bà B vào năm 2013, giá thỏa thuận 100.000.000 đồng nhưng chỉ giao trước 90.000.000 đồng và hai bên mới viết giấy tay với nhau chứ chưa làm các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà M với ông L được Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh giải quyết ly hôn vào năm 2014 nhưng không yêu cầu phân chia đối với tài sản chung này. Sau khi giải quyết ly hôn, bà M và ông L không tự thỏa thuận với nhau được về tài sản chung nên cũng vào năm 2014, bà M khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh yêu cầu phân chia tài sản chung là những thửa đất như đã nêu ở trên. Vụ án theo đơn khởi kiện của bà M đã được Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh thụ lý số 209/2014/TLST-HNGĐ, ngày 29/10/2014. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết thì bà M đã xin rút yêu cầu phân chia đối với thửa đất đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H, bà B. Do đó tại Bản án sơ thẩm số 33/2016/HNGĐ-ST, ngày 19/8/2016 Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã quyết định đình chỉ phần yêu cầu này của bà M. Sau đó giữa bà M, ông L và vợ chồng ông H, bà B vẫn không tự giải quyết được về thửa đất này nên đến tháng 5/2017 bà M tiếp tục khởi kiện để yêu cầu phân chia.

Tại phiên Tòa hôm nay, bà M và ông L đều công nhận thửa đất đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H, bà B là tài sản chung của ông L với bà M. Mặt khác, ông Phạm Quốc H và bà Trương Thị B đều công nhận diện tích đất trên do ông H, bà B chuyển nhượng cho ông L, bà M; quá trình xác lập giao dịch đều có sự tham gia của ông L, bà M chứ không phải chuyển nhượng riêng cho mình ông L. Bên cạnh đó, tại phiên Tòa hôm

nay ông L không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh thửa đất đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H vào năm 2013 là tài sản riêng của ông L. Từ những phân tích như trên; Hội đồng xét xử nhận thấy quyền sử dụng thửa đất đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H, bà B là tài sản chung của bà M và ông L trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà M là có cơ sở chấp nhận. Tài sản chung mà bà M yêu cầu phân chia được tạo dựng bắt đầu từ năm 2013 nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết tranh chấp là phù hợp. Quyền sử dụng thửa đất là sở hữu chung hợp nhất nên bà M và ông L đều có quyền ngang nhau trong việc sử dụng, định đoạt khối tài sản này là phù hợp với quy định tại điều 217 Bộ luật dân sự năm 2005 và các điều 27, 28 Luật HNGĐ năm 2000.

Tại phiên Tòa, bà M và ông L đều công nhận hiện nay thửa đất không được ai sử dụng mà đang để trống, không có công trình xây dựng hay cây trồng gì trên đất; ông L và bà M từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay không tác động gì đến thửa đất. Bà M yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất và đồng ý hoàn trả giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất cho ông L vì hiện nay bà M chưa có chỗ ở ổn định. Riêng ông L không đồng ý phân chia tài sản chung này; trường hợp nếu có phân chia thì ông L đồng ý giao cho bà M được quyền sử dụng đất và nhận tiền chênh lệch về tài sản chung.

Về phương thức phân chia tài sản chung mà bà M và ông L đã trình bày; Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi ly hôn, ông L sử dụng căn nhà mà trước đó bà M và ông L ở khi còn là vợ chồng nên hiện tại ông L đã có chỗ ở ổn định; trong khi đó bà M chưa có chổ ở, phải ở tạm nhiều nơi. Do đó yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất để làm nơi ở của bà M là phù hợp với tình hình thực tế, ông L cũng đã đồng ý giao quyền sử dụng đất cho bà M chứ không có nhu cầu sử dụng đất. Theo đó cần chấp nhận phương án phân chia tài sản của bà M, tạm giao cho bà M được quyền sử dụng diện tích 513,2m^2 tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 173 đo đạc bản đồ địa chính xã G. Theo kết quả định giá ngày 22/8/2017 của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập đã xác định giá thị trường của thửa đất là 130.680.000 đồng; do đó khi tạm giao đất cho bà M thì cần buộc bà M phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị chênh lệch tài sản chung cho ông L là **65.340.000 đồng** (130.680.000 đồng : 2).

Bà M, ông L và vợ chồng ông H, bà B có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[4]-Xét yêu cầu độc lập của ông Phạm Quốc H và bà Trương Thị B:

Như đã phân tích về quá trình thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M, ông L với vợ chồng ông H, bà B thì giá thỏa thuận chuyển nhượng là 100.000.000 đồng nhưng mới chỉ giao trước 90.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng ông L, bà M chưa giao cho vợ chồng ông H. Trong quá trình tố tụng thì vợ chồng ông H, bà B có yêu cầu bà M, ông L phải trả cho vợ chồng ông H số tiền 10.000.000 đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn thiếu này. Tuy nhiên đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vợ chồng ông H, bà B vắng mặt tại phiên Tòa mà không có lý do. Căn cứ vào điểm d, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; HĐXX quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của vợ chồng ông H, bà B là phù hợp.

[5] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M đã chi phí số tiền tạm ứng định giá là 1.000.000 đồng. Do yêu cầu phân chia tài sản chung của bà M được chấp nhận nên cần buộc ông L phải có nghĩa vụ trả lại cho bà M 500.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản là phù hợp với quy định tại điều 164, 165 BLTTDS.

[6] Về án phí:

- Cần buộc bà M và ông L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản mà mỗi người được nhận.

- HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông H, bà B nên tiền tạm ứng án phí mà ông H, bà B đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 164, 165, 203; Các điểm b, d khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS;

- Điều 217 BLDS 2005;

- Các Điều 357, 468 BLDS năm 2015;

- Các Điều 27, 28 Luật HNGĐ năm 2000;

- Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với ông Nguyễn Thanh L.

- Tạm giao cho bà Lê Thị M được quyền sử dụng diện tích 513,2m^2 tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 173 đo đạc bản đồ địa chính xã G (Có sơ đồ vị trí kèm theo).

Bà M, ông L và vợ chồng ông H, bà B có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Bà Lê Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thanh L số tiền chênh lệch về tài sản chung là **65.340.000 đồng**.

- Ông Nguyễn Thanh L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị M số tiền chi phí định giá tài sản là 500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; trường hợp có tranh chấp về lãi suất thì người phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất không vượt quá 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của vợ chồng ông Phạm Quốc H, bà Trương Thị B.

Về án phí:

- Bà Lê Thị M phải nộp 3.267.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 1.250.000đ đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N0011923, ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Bà M còn phải nộp 2.017.000 đồng án phí DS/ST.

- Ông Nguyễn Thanh L phải nộp 3.267.000 đồng án phí DS/ST.

- Sung công quỹ nhà nước số tiền 250.000 đồng tạm ứng án phí mà vợ chồng ông Phạm Quốc H, bà Trương Thị B đã nộp theo biên lai thu số 0012088, ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/9/2017. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC Thi hành án dân sự h. Tánh Linh;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hạ Hải Hồ